

IMAS 12.10

Phiên bản số hai
01/4/2010
Sửa đổi bổ sung lần 3, tháng 9/2020

Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ

Bản dịch do các thành viên của Nhóm Công tác Hành động Bom mìn tại Việt Nam (trước đây là Nhóm Công tác về Bom mìn) phối hợp thực hiện. Bản dịch được thực hiện bởi nhiều tổ chức và được các tổ chức khác hiệu đính. Nhóm Công tác Hành động Bom mìn gồm có: Catholic Relief Services, GICHD, International Center, Mines Advisory Group, Norwegian People's Aid, Peace Trees Vietnam, UNDP. Bản dịch được thẩm định lần cuối vào tháng 9 năm 2022.

Giám đốc,
Cơ quan Hành động bom mìn LHQ (UNMAS),
380 Madison Avenue, M11023
New York, NY 10017
USA

Email: mineaction@un.org
Telephone: (1 212) 963 1875
Fax: (1 212) 963 2498
Website: www.mineactionstandards.org

Cảnh báo

Tài liệu này có hiệu lực từ ngày hiển thị trên trang bìa. Vì Tiêu chuẩn Hành động Bom mìn Quốc tế (IMAS) phải được xem xét và sửa đổi thường xuyên, người dùng nên tham khảo trang web của dự án IMAS để xác minh tình trạng văn bản tại địa chỉ (<http://www.mineactionstandards.org/>, hoặc thông qua trang web của CQHĐBM Liên Hợp Quốc tại www.mineaction.org).

Thông báo bản quyền

Tiêu chuẩn Hành động Bom mìn Quốc tế (IMAS) là tài liệu của Liên Hợp Quốc và được bảo vệ bản quyền bởi Liên Hợp Quốc. Tài liệu này và bất kỳ trích xuất nào từ tài liệu chỉ được phép sao chép, lưu trữ hoặc truyền đi dưới bất kỳ phương thức và hình thức nào, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác với sự cho phép trước bằng văn bản của CQHĐBM Liên Hợp Quốc, cơ quan quản lý thay mặt cho Liên Hợp Quốc.

Tài liệu này không được phép sử dụng cho mục đích thương mại..

Giám đốc
Cơ quan Hành động mìn Liên Hợp Quốc (UNMAS)
380 Đại lộ Madison, M11023
New York, NY 10017
Hoa Kỳ

E-mail: mineaction@un.org
Điện thoại: +1 (212) 963 6091
Fax +1 (212) 963 2498

©CQHĐBM Liên Hợp Quốc 2003

Nội dung

Nội dung	iii
Lời nói đầu	v
Giới thiệu	vi
Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ	7
1. Phạm vi	7
2. Các tài liệu quy phạm tham khảo	7
3. Các thuật ngữ, định nghĩa và viết tắt	7
4. Tổng quan về GDPTTNBMVN	8
4.1. Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ là gì?	8
4.2. Các nghĩa vụ pháp lý quốc tế trong việc cung cấp GDPTTNBMVN	9
4.2.1 Sự linh hoạt	9
4.3. GDTPTNBM trong bối cảnh chương trình KPBM có quy mô lớn hơn	9
4.3.1 Tổng quan	9
4.3.2 Truyền thông các thông điệp an toàn	9
4.3.4 Liên lạc cộng đồng	10
4.3.5 GDPTTNBMVN hỗ trợ công tác điều tra khảo sát, đánh dấu và rà phá bom mìn vật nổ	10
4.3.6 GDPTTNBMVN hỗ trợ cho công tác hỗ trợ nạn nhân	11
4.3.7 GDPTTNBMVN hỗ trợ hoạt động vận động chính sách	12
4.3.8 Điều tra thương tạt liên quan đến bom mìn vật nổ	12
5. Đánh giá năng lực, mức độ dễ tổn thương, nhu cầu và công tác quản lý thông tin	12
5.1. Tổng quan	12
5.2. Tiến hành đánh giá nhu cầu	12
5.3. Các nguyên tắc áp dụng khi đánh giá nhu cầu	13
5.4. Dữ liệu được thu thập là một phần của công tác đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN	14
5.5. Sử dụng kết quả đánh giá nhu cầu	14
6. Thông điệp GDPTTNBMVN và công tác truyền tải thông điệp	15
6.1. Tổng quan	15
6.2. Xây dựng thông điệp	15
6.3. Kiểm nghiệm thông điệp	16
6.4. Theo dõi, rà soát và điều chỉnh các thông điệp GDPTTNBMVN	16
7. Sử dụng truyền thông và tài liệu	16
7.1. Thiết kế tài liệu và truyền thông GDPTTNBMVN	16
7.2. Kiểm nghiệm truyền thông và tài liệu GDPTTNBMVN	17
7.3. Giám sát và hiệu chỉnh truyền thông và tài liệu GDPTTNBMVN	17
8. Thực hiện GDPTTNBMVN	17
8.1. Tổng quan	17
9. Điều phối công tác GDPTTNBMVN và quản lý thông tin	19
9.1. Tổng quan	19
10. Công tác giám sát và đánh giá	19
10.1. Tổng quan	19
11. Phát triển năng lực	21

11.1. Tổng quan	21
11.3. Các cộng đồng có nguy cơ	22
12. Vai trò và trách nhiệm	23
12.3. Các tổ chức GDPTTNBMVN.....	23
12.4. Các cộng đồng có nguy cơ	24
Phụ lục A.....	25
Các ghi chép sửa đổi	26

Lời tựa

Tiêu chuẩn quốc tế cho các chương trình rà phá bom mìn nhân đạo được các nhóm công tác bom mìn đề xuất lần đầu tiên tại Hội thảo kỹ thuật quốc tế ở Đan Mạch vào tháng 7/1996. Các tiêu chí được quy định đối với tất cả các lĩnh vực của hoạt động rà phá bom mìn, các tiêu chuẩn được đề xuất và khái niệm toàn cầu mới về “rà phá/dò tìm xử lý” được thông qua. Cuối năm 1996, các nguyên tắc được đề xuất trong Hội thảo ở Đan Mạch đã được nhóm công tác bom mìn do Liên Hợp Quốc đứng đầu phát triển thành Tiêu chuẩn quốc tế về hoạt động rà phá bom mìn nhân đạo. Ấn bản đầu tiên do Cơ quan Hành động Bom mìn Liên Hợp Quốc (CQHĐBM Liên Hợp Quốc) phát hành tháng 3/1997.

Từ đó tới nay, phạm vi của các tiêu chuẩn ban đầu này từ đã được mở rộng nhằm bao gồm các hợp phần khác của lĩnh vực hành động bom mìn và để phản ánh các thay đổi về các quy trình, thông lệ và quy tắc hoạt động. Các tiêu chuẩn được xây dựng lại và đổi tên thành Tiêu chuẩn hành động bom mìn quốc tế (IMAS) với phiên bản đầu tiên được ban hành vào tháng 10 năm 2001.

Liên Hợp Quốc chịu trách nhiệm chung trong việc tăng cường và khuyến khích việc quản lý hiệu quả các chương trình hành động bom mìn, bao gồm cả việc xây dựng và duy trì bộ tiêu chuẩn. Như vậy, CQHĐBM Liên Hợp Quốc, là cơ quan của Liên Hợp Quốc chịu trách nhiệm xây dựng và duy trì IMAS. IMAS được xuất bản với sự hỗ trợ của Trung tâm Quốc tế Geneva về rà phá bom mìn nhân đạo (GICHD).

Công tác soạn thảo, rà soát và sửa đổi IMAS được thực hiện bởi các Ủy ban kỹ thuật, với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Phiên bản mới nhất của mỗi tiêu chuẩn, cùng với thông tin về công việc của Ủy ban kỹ thuật được đăng tải trên trang web <http://www.mineactionstiterias.org/>. IMAS được xem xét ít nhất ba năm một lần để phản ánh các quy chuẩn và kinh nghiệm mới được phát triển trong lĩnh vực HĐBM và đồng thời bổ sung những thay đổi này trong các quy định và yêu cầu quốc tế.

Giới thiệu

Trong vài năm qua, cộng đồng hành động bom mìn đã có những bước tiến lớn trong việc chuyên nghiệp hóa Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ (GDPTTNBMVN). Một yếu tố trung tâm trong tiến trình đó là việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế dành cho GDPTTNBMVN, ban đầu được gọi là Giáo dục rủi ro mìn. Bảy tiêu chuẩn đầu tiên về Giáo dục rủi ro mìn được UNICEF xây dựng trên cơ sở tham vấn với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực này và đưa vào sử dụng năm 2004.

Kể từ khi được đưa vào áp dụng năm 2004, tiêu chuẩn Giáo dục rủi ro mìn đã thiết lập một khuôn khổ toàn cầu làm cơ sở cho các quốc gia và các chương trình xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia và các ghi chú kỹ thuật khác. Vào năm 2009, bảy tiêu chuẩn Giáo dục rủi ro mìn được gộp vào thành một tiêu chuẩn, IMAS 12.10. Đến năm 2018, tiêu chuẩn Giáo dục rủi ro mìn được đổi tên thành tiêu chuẩn GDPTTNBMVN.

Phiên bản IMAS 12.1 được cập nhật dựa trên khuyến nghị của cả Kỹ thuật chuyên đề IMAS và Nhóm Tư vấn GDPTTNBMVN, được thành lập năm 2019. Tiêu chuẩn này bao gồm những cập nhật quan trọng nhất của IMAS 12.10 kể từ năm 2009.

Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ

1. Phạm vi

Tiêu chuẩn IMAS này thiết lập các nguyên tắc và hướng dẫn cho việc thẩm định, lập kế hoạch, thực hiện, quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động GDPTTNBMVN. Phiên bản IMAS này cập nhật và thay thế tất cả phiên bản IMAS trước đó về lĩnh vực GDPTTNBMVN, đồng thời phục vụ mục đích cung cấp một khung hướng dẫn cơ bản cho công tác GDPTTNBMVN trên toàn cầu.

2. Các tài liệu quy phạm tham khảo

Danh mục các tài liệu quy phạm tham khảo được liệt kê tại Phụ lục A. Tài liệu quy phạm tham khảo là tài liệu quan trọng được tham chiếu và cấu thành một phần các điều khoản của tiêu chuẩn này.

3. Các thuật ngữ, định nghĩa và viết tắt

Danh mục đầy đủ tất cả các thuật ngữ và định nghĩa sử dụng trong bộ tiêu chuẩn IMAS được đề cập trong IMAS 04.10.

Trong bộ tiêu chuẩn IMAS, các từ ngữ “phải”, “nên” và “có thể” được sử dụng để chỉ mức độ tuân thủ dự kiến. Cách dùng từ này là phù hợp với ngôn ngữ được sử dụng trong các tiêu chuẩn và hướng dẫn ISO.

- a) **‘Phải’** được sử dụng để chỉ ra các yêu cầu, phương pháp hoặc thông số kỹ thuật phải được áp dụng để phù hợp với tiêu chuẩn.
- b) **‘Nên/Cần’** được sử dụng để chỉ ra các yêu cầu, phương pháp hoặc thông số kỹ thuật được ưu tiên sử dụng
- c) **‘Có thể’** được sử dụng để chỉ ra một phương pháp hoặc quá trình hành động có thể thực hiện

Thuật ngữ ‘Cơ quan hành động bom mìn quốc gia’ (CQHĐBMQG) dùng để chỉ Cơ quan chính phủ, thường là ủy ban liên bộ, của một quốc gia chịu ảnh hưởng bởi bom mìn, có trách nhiệm quy định, quản lý và điều phối các hành động bom mìn.

Lưu ý: Trong trường hợp chưa thành lập CQHĐBM Quốc gia, cơ quan của LHQ hoặc một tổ chức quốc tế có uy tín có thể đảm nhận một phần hoặc tất cả trách nhiệm và thực thi một phần hoặc toàn bộ chức năng của Trung tâm Hành động bom mìn, hoặc, ít phổ biến hơn, của CQHĐBM Quốc gia.

Thuật ngữ ‘Trung tâm hành động bom mìn’ (TTHĐBM) hoặc ‘Trung tâm điều phối hành động bom mìn’ (TTĐPHĐBM) dùng để chỉ một tổ chức, thay mặt cho Cơ quan Hành động bom mìn quốc gia (nếu có), chịu trách nhiệm lập kế hoạch, điều phối, giám sát và trong một số trường hợp thực hiện các dự án hành động bom mìn. Đối với các chương trình hành động bom mìn quốc gia, TTHĐBM/TTĐPHĐBM thường đóng vai trò là văn phòng điều hành của CQHĐBMQG (Cơ quan Hành động bom mìn quốc gia).

Thuật ngữ **“bom mìn vật nổ”** được hiểu là “các đối tượng” của **hành động bom mìn** bao gồm các loại vũ khí đạn dược sau:

- Mìn
- Bom đạn chùm
- Vật nổ chưa nổ
- Bom mìn vật nổ đạn dược bị vứt bỏ lại
- Bẫy mìn
- Các trang thiết bị khác (căn cứ định nghĩa Nghị định thư II Công ước về sử dụng các loại vũ khí thông thường CCW APII quy định)
- Trang thiết bị nổ tự chế*

Lưu ý: *thiết bị nổ tự chế đáp ứng định nghĩa của mìn, bẫy mìn hoặc thiết bị khác thuộc phạm vi hành động bom mìn, khi chúng được rà phá vì mục đích nhân đạo và tại các khu vực xung đột đã chấm dứt.

Thuật ngữ Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ (GDPTTNBMVN) đề cập đến các hoạt động nhằm giảm thiểu các nguy cơ thương vong từ bom mìn vật nổ bằng cách nâng cao nhận thức và thúc đẩy sự thay đổi hành vi của phụ nữ, trẻ em gái, nam giới, trẻ em trai, dựa trên vai trò, nhu cầu và mức độ chịu tổn thương khác nhau của họ. Các hoạt động chính bao gồm phổ biến thông tin, giáo dục và tập huấn cho các cộng đồng.

Những hoạt động này bao gồm trao đổi thông tin với các cộng đồng có nguy cơ, tuyên truyền thông điệp an toàn đến các nhóm mục tiêu, hỗ trợ quản lý rủi ro tại cộng đồng và sự tham gia của cộng đồng vào hành động khắc phục hậu quả bom mìn.

Thuật ngữ “Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GDPTTNBMVN” chỉ các tổ chức, bao gồm các tổ chức của chính phủ, tổ chức phi chính phủ, và các tổ chức xã hội dân sự (ví dụ tổ chức của phụ nữ, tổ chức của thanh niên, chữ thập đỏ, trắng lưỡi liềm đỏ quốc tế v.v), đang chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ hoặc dự án GDPTTNBMVN. Tổ chức GDPTTNBMVN có thể là một nhà thầu chính, nhà thầu phụ, một tổ chức tư vấn hoặc đại lý.

Thuật ngữ “GDPTTNBMVN” chỉ một nhân tố của một tổ chức, được đặt tên, nhằm triển khai một hoặc nhiều hoạt động GDPTTNBMVN được chỉ định, như đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN, dự án truyền thông tới cộng đồng, dự án giáo dục tại nhà trường hoặc một cuộc đánh giá dự án liên lạc hành động bom mìn.

4. Tổng quan về GDPTTNBMVN

4.1. Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ là gì?

GDPTTNBMVN, như nêu ở mục 3 phía trên, được thiết kế, nhằm đảm bảo rằng nam giới, phụ nữ và trẻ em trong các cộng đồng bị ảnh hưởng nhận thức được các rủi ro từ bom mìn vật nổ và được khuyến khích hành xử theo cách giảm thiểu rủi ro cho con người, tài sản và môi trường. Mục tiêu giảm thiểu rủi ro xuống đến mức mọi người có thể sống an toàn và qua đó góp phần tạo một môi trường sống nơi hoạt động phát triển kinh tế và xã hội không bị hạn chế bởi ô nhiễm bom mìn vật nổ.

GDPTTNBMVN là một phần không thể thiếu trong hoạch định và triển khai HĐBM và là một trong năm nhóm hoạt động hỗ trợ lẫn nhau hay còn gọi là năm “trụ cột” của lĩnh vực hành động bom mìn. Bất cứ khi nào có thể, cần đảm bảo rằng hoạt động này được thực hiện lồng ghép với các hoạt động HĐBM khác như điều tra khảo sát và rà phá. Hoạt động GDPTTNBMVN có thể được thực hiện ‘đơn lẻ’ trong một số trường hợp cụ thể, ví dụ tại những khu vực nơi xung đột đang tiếp diễn gây cản trở hoặc làm chậm tiến độ điều tra khảo sát và rà phá bom mìn hoặc nơi có thể triển khai hoạt động này cho người dân tản cư đến từ những khu vực bị ô nhiễm. GDPTTNBMVN có thể là một phần của chương trình giảng dạy ở nhà trường và không gắn với các hợp phần khác trong HĐBM. Các chương trình¹ và dự án² có thể được thực hiện trong các tình huống khẩn cấp, giai đoạn chuyển tiếp hoặc giai đoạn phát triển².

Do tính chất bối cảnh hoạt động, các tổ chức GDPTTNBMVN thường được yêu cầu làm việc trong các môi trường nhạy cảm do xung đột tiếp diễn và do đó cần đảm bảo an toàn tốt nhất có thể cho cộng đồng và nhân viên GDPTTNBMVN khỏi những tổn hại và khó khăn do hậu quả của những hoạt động của mình. GDPTTNBMVN được triển khai trên cơ sở các nguyên tắc nhân đạo cốt lõi gồm nhân văn, độc lập, trung lập, không thiên vị.

¹ Thuật ngữ ‘chương trình’ ngụ ý các hoạt động trung và dài hạn của một tổ chức nhằm thực hiện tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của tổ chức. Một chương trình hành động bom mìn bao gồm một loạt các dự án hành động bom mìn liên quan. Tương tự, một chương trình GDPTTNVN bao gồm một loạt các dự án GDPTTNVN liên quan

² Thuật ngữ ‘dự án’ liên quan đến một hoạt động, hoặc một loạt các hoạt động gắn kết với nhau, với một mục tiêu đã được thống nhất. Một dự án thường sẽ có một thời hạn và một kế hoạch hoạt động. Các nguồn lực cần thiết để thực hiện thành công mục tiêu dự án thường sẽ được xác định và thống nhất trước khi bắt đầu dự án.

4.2. Các nghĩa vụ pháp lý quốc tế trong việc cung cấp GDPTTNBMVN

Một số hiệp ước quốc tế áp đặt nghĩa vụ pháp lý đối với các quốc gia thành viên khi thực hiện GDPTTNBMVN. Công ước cấm mìn sít *thương* buộc các quốc gia thành viên 'phải có trách nhiệm hỗ trợ cho các chương trình nâng cao nhận thức bom mìn'³. *Công ước cấm bom đạn chùm* yêu cầu các quốc gia thành viên phải 'giáo dục giảm thiểu rủi ro' để đảm bảo nhận thức của người dân sống hoặc ở quanh các khu vực bị ô nhiễm bom đạn chùm về những rủi ro do bom đạn chùm chưa nổ gây ra⁴. *Nghị định thư số V của Công ước về một số vũ khí thông thường* yêu cầu các quốc gia và các bên tham gia vào cuộc xung đột vũ trang phải thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa khả thi trong lãnh thổ họ kiểm soát bị ảnh hưởng bởi , bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh⁵ nhằm bảo vệ người dân, cá nhân và các đối tượng dân sự khỏi những rủi ro và ảnh hưởng của bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh. Những biện pháp phòng ngừa này có thể bao gồm các cảnh báo [và] giáo dục rủi ro cho người dân ...'⁶. Tương tự như vậy, Nghị định thư đổi số II Công ước về một số loại vũ khí thông thường về việc Cấm hoặc Hạn chế việc Sử dụng Mìn, Bẫy mìn và các Dụng cụ khác yêu cầu các bên phải áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa khả thi nhằm bảo vệ người dân khỏi tác động của các loại vũ khí này⁷.

4.2.1 Sự linh hoạt

GDPTTNBMVN cần đủ độ linh hoạt nhằm phản ứng và thích nghi nhanh chóng với những thay đổi của bối cảnh (ví dụ xung đột, tấn cư, các nguyên nhân tai nạn, ô nhiễm, thiên tai v.v)

4.3. GDPTTNBM trong bối cảnh chương trình KPBM có quy mô lớn hơn

4.3.1 Tổng quan

Các hoạt động thực địa HDBM được hoạch định và triển khai cùng với GDPTTNBMVN có thể thường xuyên được hưởng lợi từ hoạt động trao đổi thông tin thường xuyên và các mối quan hệ làm việc chặt chẽ mà các tổ chức GDPTTNBM đã gây dựng được khi làm việc với các cộng đồng bị ảnh hưởng BMVN. Một số đóng góp thiết thực tiền của công tác GDPTTNVN đối với chương trình HDBM có quy mô lớn hơn nhằm bảo vệ người dân bị ảnh hưởng được đề cập ở các phần dưới đây (Mục 4.3.2 – 4.3.8)

4.3.2 Truyền thông các thông điệp an toàn

Truyền thông các thông điệp an toàn của GDPTTNBMVN đề cập đến các hoạt động thông tin và giáo dục nhằm tìm cách giảm thiểu thương vong từ bom mìn vật nổ bằng cách nâng cao nhận thức về rủi ro giữa các cá nhân và cộng đồng và thúc đẩy hành vi an toàn. Các thông điệp có thể được truyền thông qua việc kết hợp giữa tuyên truyền giao tiếp cá nhân, phổ biến tài liệu giáo dục và truyền thông đại chúng (ví dụ: truyền hình và vô tuyến), truyền thông điện tử (ví dụ truyền thông xã hội), truyền thông truyền thống hoặc 'truyền thông quy mô nhỏ' (ví dụ: áp phích và tờ rơi). Các hoạt động có thể được tiến hành trong môi trường chính thức và không chính thức

Trong tình huống hậu xung đột khẩn cấp, do hạn chế về thời gian và thiếu dữ liệu chính xác, công tác truyền thông qua các kênh thông tin công cộng có thể là phương tiện thiết thực nhất để truyền đạt thông điệp an toàn để giảm thiểu rủi ro. Trong bối cảnh ổn định hơn hoặc trong các tình huống khẩn cấp kéo dài, việc truyền thông các thông điệp an toàn có thể được thực hiện như một phần của chiến lược giảm thiểu rủi ro toàn diện hơn trong hoặc song song với chương trình hành động bom mìn.

4.3.3 Thu thập dữ liệu trong các cộng đồng có nguy cơ

Các cơ quan chức năng và các tổ chức GDPTTNBMVN cần thu thập đầy đủ thông tin nhằm nắm được càng chính xác càng tốt mức độ nguy cơ và tác động của bom mìn vật nổ, nhằm hiểu rõ tính phổ biến/quy mô của các hành động thiếu an toàn, và các nguyên nhân gây dẫn đến hành vi rủi ro.

³ Điều 6, đoạn 3, Công ước cấm mìn sít thương APMBBC

⁴ Điều 4, đoạn 2(e), Hiệp ước cấm bom chùm

⁵ Được xác định là bom mìn vật nổ bị vứt bỏ lại và bom mìn vật nổ chưa nổ liên quan đến xung đột vũ trang

⁶ Điều 5, Nghị định thư số V của Công ước về một số vũ khí thông thường

⁷ Điều 3, Nghị định thư sửa đổi số II, về Mìn, Bẫy mìn và các Dụng cụ khác

Cần thu thập dữ liệu tại các cộng đồng bị ảnh hưởng và từ các nguồn khác về:

- a) Vị trí các khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ
- b) Tác động/mối đe dọa của bom mìn vật nổ đối với người dân, bao gồm cả dữ liệu về các vụ tai nạn và thương vong từ tai nạn bom mìn; và
- c) Sự di chuyển của người dân vào thời điểm hiện hành và trong tương lai

Dữ liệu thương vong cần phải được phân tách theo hậu quả (bị chết hay bị thương), giới tính, độ tuổi, loại khuyết tật, vị trí địa lý, thời gian, nguyên nhân và địa điểm xảy ra tai nạn, loại bom mìn vật nổ, khả năng nhận thức của cộng đồng về mối nguy hiểm, mức độ các hoạt động giáo dục về hành vi an toàn, các hoạt động hỗ trợ cho nạn nhân, và các nhu cầu kinh tế xã hội khác trong cộng đồng.

Thông tin thu thập được cần được sử dụng cho việc thiết kế, lập kế hoạch ưu tiên, triển khai và giám sát sự phù hợp của các hoạt động GDPTTNBMVN, cho phép các cơ quan quốc gia và các tổ chức GDPTTNBMVN xác định rõ hơn các nhóm mục tiêu. Thông tin thu thập được cũng được sử dụng nhằm hỗ trợ các hoạt động HDBM bổ trợ khác.

4.3.4 Liên lạc cộng đồng

Liên lạc cộng đồng trong hành động bom mìn đề cập đến các quy trình, kỹ thuật và trao đổi thông tin nhằm khuyến khích các tổ chức hành động bom mìn xây dựng sự hiểu biết tốt hơn về các cộng đồng bị ảnh hưởng và các tài sản, nhu cầu và ưu tiên hiện có. Quá trình này cho phép các cộng đồng bị ảnh hưởng, chính quyền địa phương và các tổ chức phát triển hiểu rõ hơn về các dịch vụ HDBM và tham gia xác định các yêu cầu đối với GDPTTNBMVN, điều tra khảo sát, đánh dấu, rà phá bom mìn và hỗ trợ nạn nhân. Liên lạc cộng đồng tạo điều kiện trao đổi thông tin giữa các cơ quan trung ương, các cơ quan hành động bom mìn, các tổ chức và cơ quan cứu trợ và phát triển, và các cộng đồng bị ảnh hưởng.

Liên lạc cộng đồng cần đảm bảo rằng các thành viên trong cộng đồng nhận thức được mối nguy hiểm, tham gia vào việc xác định rủi ro của chính họ và các ưu tiên của họ nhằm hỗ trợ hoạt động HDBM. Công tác này có thể hỗ trợ các cộng đồng xây dựng các giải pháp phù hợp với địa phương để giảm thiểu rủi ro trong cộng đồng đó. Liên lạc cộng đồng cũng cần đảm bảo rằng các chương trình hành động bom mìn giải quyết các nhu cầu và ưu tiên của cộng đồng và đưa các thành viên cộng đồng gồm phụ nữ, trẻ em gái, nam giới, trẻ em trai, tham gia quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động HDBM.

Liên lạc cộng đồng đặc biệt liên quan tới GDPTTNBMVN, nhưng có vai trò quan trọng đối với tất cả các hợp phần của hành động khắc phục hậu quả bom mìn. Công tác liên lạc cộng đồng cần được thực hiện bởi những nhóm nhân sự chuyên môn hoặc lồng ghép vào công việc của một chương trình GDPTTNBMVN toàn diện. Các cán bộ liên lạc cộng đồng cần được đào tạo đủ năng lực và được trang bị phù hợp, nhằm đảm bảo áp dụng phương pháp đồng bộ trong môi trường nhạy cảm do có xung đột và khi tương tác với cộng đồng.

4.3.5 GDPTTNBMVN hỗ trợ công tác điều tra khảo sát, đánh dấu và rà phá bom mìn vật nổ

Công tác giải phóng đất đai bao gồm ĐTPKT, KSKT, đánh dấu, và rà phá bom mìn vật nổ. GDPTTNBMVN cần được thiết kế và triển khai nhằm đóng góp, cũng như thúc đẩy sự hỗ trợ đối với các hoạt động này tại cộng đồng. Tất cả các hoạt động GDPTTNBMVN cần được thực hiện trên cơ sở cân nhắc yếu tố nhạy cảm của môi trường xung đột và theo các nguyên tắc “không gây hại”. Liên quan đến các hoạt động cụ thể của công tác điều tra phi kỹ thuật và khảo sát kỹ thuật, các tổ chức GDPTTNBMVN cần⁸:

- a) Xác định các loại bom mìn vật nổ hiện hữu
- b) Đóng góp vào việc xác định chính xác vị trí ô nhiễm bom mìn vật nổ;

⁸ Các hoạt động can thiệp cần được dựa trên dữ liệu/thông tin do cộng đồng hoặc nhân chứng cung cấp

- c) Hỗ trợ đảm bảo các cộng đồng hiểu rõ các tham số của hoạt động loại bỏ tình trạng ô nhiễm của một khu vực thông qua hoạt động ĐTPKY và hoạt động giảm trừ diện tích đất ô nhiễm thông qua hoạt động KSKT
- d) Nắm bắt về ảnh hưởng của, bom mìn vật nổ đến cuộc sống và sức khỏe của cộng đồng; và
- e) Ghi chép thông tin về những ưu tiên của cộng đồng đối với việc rà phá

Liên quan tới việc đánh dấu, các tổ chức GDPTTNBMVN có thể:

- e) Duy trì mối quan hệ làm việc chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức RPBM
- f) tư vấn cho cộng đồng về sự hiện diện của các đội rà phá bom mìn
- g) Thông báo cho cộng đồng về các quy trình an toàn được sử dụng trong các hoạt động rà phá
- h) Thông báo cho phụ nữ, trẻ em gái, nam giới, trẻ em trai về các khu vực đã được rà phá và các khu vực vẫn bị ô nhiễm, bao gồm việc đánh dấu các khu vực đã rà phá và các khu vực chưa rà phá
- i) Hỗ trợ quá trình bán giao đất đã được loại bỏ tình trạng ô nhiễm, đất đã được giảm trừ diện tích ô nhiễm và đất đã được rà phá, bao gồm các biện pháp xây dựng lòng tin đối với cộng đồng về việc đất đã thực sự an toàn; và
- j) Theo dõi, đánh giá liệu đất được giải phóng có được sử dụng, và đảm bảo rằng các cộng đồng có mức độ tin tưởng cao về đất đai được giải phóng

Liên quan tới công tác xử lý bom mìn vật nổ và bom mìn vật nổ tự chế, các tổ chức GDPTTNBMVN có thể:

- m) Duy trì mối quan hệ làm việc chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức rà phá
- n) thu thập và báo cáo thông tin về các nhiệm vụ xử lý bom mìn vật nổ/xử lý bom mìn vật nổ tự chế lưu động;
- o) Tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của các đội xử lý bom mìn vật nổ/xử lý bom mìn vật nổ tự chế trong cộng đồng để di dời và phá hủy bom mìn vật nổ;

4.3.6 GDPTTNBMVN hỗ trợ cho công tác hỗ trợ nạn nhân

Công tác hỗ trợ nạn nhân bao gồm một nhóm các hoạt động nhằm giải quyết nhu cầu và quyền lợi của nạn nhân bom mìn vật nổ và bao gồm việc thu thập dữ liệu, chăm sóc y tế khẩn cấp và thường xuyên, phục hồi chức năng, hỗ trợ tâm lý xã hội, hòa nhập kinh tế xã hội, luật pháp và chính sách. GDPTTNBMVN có thể tạo điều kiện cung cấp hỗ trợ liên quan đến bom mìn vật nổ bao gồm nạn nhân bom mìn vật nổ bao gồm nạn nhân bị thương tật, cũng như, khi có thể, cả những người khuyết tật khác. Cụ thể, các tổ chức GDPTTNBMVN có thể:

- a) xác định các nạn nhân bom mìn vật nổ bao gồm nạn nhân bị thương tật và những người khuyết tật khác có nhu cầu hỗ trợ
- b) đóng góp vào hệ thống giám sát hoặc thu thập dữ liệu nạn nhân của bom mìn, bom mìn vật nổ;
- c) xác định năng lực quốc gia và địa phương và những điều kiện liên quan, nhằm hỗ trợ nạn nhân
- d) cung cấp cho những nạn nhân bị thương tật thông tin chi tiết về những hỗ trợ sẵn có và quy trình đề nghị cấp hỗ trợ;
- e) liên lạc với các trung tâm phục hồi chức năng và các đơn vị cung cấp dịch vụ khác để đảm bảo cung cấp hỗ trợ;

- f) nếu cần thiết, tạo điều kiện vận chuyển nạn nhân bị thương tật và thành viên gia đình đến và đi từ trung tâm và các điểm cung cấp dịch vụ điều trị khác; và
- g) nếu có thể và khi phù hợp, xem xét tuyển dụng nạn nhân bị thương tật vào mạng lưới, làm cộng tác viên GDPTTNBMVN.

4.3.7 GDPTTNBMVN hỗ trợ hoạt động vận động chính sách

GDPTTNBMVN có thể đóng vai trò trong việc xây dựng ý chí chính trị ủng hộ hoạt động HDBM tại các quốc gia liên quan. Ngoài ra, GDPTTNBMVN có thể xem xét bao gồm yếu tố vận động chính sách quốc gia hoặc khu vực. Điều này có thể là sự vận động ủng hộ cho *Công ước Cẩm mìn sát thương, Công ước cấm bom đạn chùm và Công ước về một số vũ khí thông thường*, đặc biệt là Nghị định thư số V và Nghị định thư sửa đổi số II của công ước này, cũng như các điều ước liên quan khác của luật quốc tế. Hoạt động này cũng có thể bao gồm việc vận động ủng hộ hỗ trợ nạn nhân, bao gồm sự hỗ trợ đối với *Công ước Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật*. Tuy nhiên, các tổ chức GDPTTNBMVN cần lưu ý nhân viên của mình về tính trung lập và an toàn khi thực hiện vận động chính sách tại các môi trường thù địch và bất ổn.

4.3.8 Điều tra thương tật liên quan đến bom mìn vật nổ

Nền tảng của chiến lược phòng tránh thương tật là thu thập càng nhiều thông tin khi có thể về từng trường hợp tai nạn/sự cố. Điều tra về thương tật do bom mìn vật nổ đề cập đến việc thu thập, phân tích, xử lý, và chia sẻ thông tin dữ liệu liên quan đến sự cố bom mìn vật nổ một cách thường xuyên và có hệ thống nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác hoạch định, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động giảm thiểu nguy cơ bom mìn vật nổ, bao gồm cả hoạt động GDPTTNBMVN. Điều tra về thương tật là một công cụ sức khỏe cộng đồng được sử dụng nhằm xác định nhóm dân cư bị chịu rủi ro, phỏng đoán hình thái, và nhận diện các yếu tố rủi ro. Một hệ thống điều tra thương tật có thể có nhiều hình thức khác nhau, có thể được lồng ghép vào một hệ thống điều tra tất cả thương tật trên phạm vi quốc gia lớn hơn do Bộ Y tế hoặc Bộ Nội vụ chủ trì, hoặc được xây dựng một cách độc lập dưới sự chủ trì của CQHĐBMQG nhằm tập trung thu thập dữ liệu về các sự cố bom mìn vật nổ. Trong các bối cảnh khẩn cấp, điều tra thương tật liên quan đến bom mìn vật nổ có thể do các tổ chức quốc tế hoặc tổ chức phi chính phủ trong nước hoặc quốc tế chủ trì. Trong một số trường hợp, điều tra liên quan đến bom mìn vật nổ có thể được thực hiện dựa trên các báo cáo truyền thông và các nguồn khác, như là một biện pháp tạm thời; tuy nhiên, nếu áp dụng hệ thống thay thế, biện pháp đó cần được xây dựng bằng một phương pháp chặt chẽ và minh bạch nhằm tránh việc trùng lặp và thiên vị.

5. Đánh giá năng lực, mức độ dễ tổn thương, nhu cầu và công tác quản lý thông tin

5.1. Tổng quan

Chính quyền địa phương và các tổ chức GDPTTNBMVN cần thực hiện dự án dựa trên việc đánh giá cần trọng về nhu cầu và năng lực (đánh giá nhu cầu về GDPTTNBMVN). Mục đích của đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN nhằm xác định, phân tích và thiết lập thứ tự ưu tiên liên quan đến các rủi ro bom mìn vật nổ tại địa phương; đánh giá năng lực và mức độ dễ tổn thương của nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và gái trong các cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác và để xác định các phương pháp tiến hành GDPTTNBMVN.

Mục đích của việc thu thập dữ liệu và đánh giá nhu cầu nên được xây dựng theo thỏa thuận với tất cả các bên liên quan. Tổ chức GDPTTNBMVN nên chia sẻ các kết quả đạt được với cơ quan quốc gia thông qua các báo cáo chính thức, và với các bên liên quan, chẳng hạn như, thông qua các cuộc họp giao ban với các lãnh đạo, các tổ chức đóng tại cộng đồng và các thành viên cộng đồng. Điều này đặc biệt nên áp dụng cho dữ liệu được thu thập từ chính các cộng đồng bị ảnh hưởng. Tất cả dữ liệu thu thập phải được lưu trữ/quản lý theo các quy định về thu thập dữ liệu. Việc phân tích dữ liệu liên quan có thể được sử dụng để cải thiện các dự án GDPTTNBMVN.

5.2. Tiến hành đánh giá nhu cầu

Tất cả các hoạt động đánh giá nhu cầu cần góp phần vào việc đánh giá hoạt động HDBM quốc gia, nhằm cải thiện công tác lập kế hoạch cho các hoạt động của chương trình. Bất cứ hoạt

động đánh giá nhu cầu nào cũng cần được báo cáo cho CQHĐBMQG (trừ khi CQHĐBMQG không yêu cầu phải báo cáo đầu tiên), và/hoặc một cơ quan điều phối có thẩm quyền, sau đó chia sẻ với các tổ chức và cơ quan có liên quan khác.

Mặc dù việc đánh giá nhu cầu lý tưởng nên thực hiện trước khi lập kế hoạch và triển khai GDPTTNBMVN, nhưng đây không phải là hoạt động thực hiện một lần mà nên là một hợp phần quan trọng của chu kỳ quản lý dự án GDPTTNBM. Cần phải xem xét kỹ các nhu cầu, mức độ dễ tổn thương và mong muốn khác nhau của các cộng đồng bị ảnh hưởng trong từng khu vực bị ảnh hưởng của bom mìn vật nổ (tỉnh hoặc huyện). Hoạt động này là một phần trách nhiệm giám sát của các tổ chức GDPTTNBMVN và CQHĐBMQG (hoặc một tổ chức được ủy quyền thực hiện).

Quá trình thu thập và phân tích dữ liệu cần được thực hiện công khai minh bạch. Bất cứ lúc nào có thể, cần đảm bảo sự tham gia của phụ nữ, trẻ em gái, nam giới, trẻ em trai ở cộng đồng có nguy cơ, và những nhóm người khó tiếp cận và yếu thế (người khuyết tật, người già, trẻ em không đến trường v.v) người vào quá trình đánh giá nhu cầu. Chính quyền trung ương và địa phương và các tổ chức GDPTTNBMVN khác hoạt động trong cùng khu vực cũng cần được thông báo nhằm tham gia quá trình này.

Những người tiến hành đánh giá nhu cầu có trình độ hoặc được đào tạo phù hợp và có sự kết hợp cân bằng giới. Tối thiểu, họ cần được đào tạo nhằm:

- a) Nắm rõ lý do thu thập dữ liệu và cách phân tích và sử dụng dữ liệu đó;
- b) nắm rõ về các nguyên tắc của bộ tiêu chuẩn IMAS seri 10: An toàn và Sức khỏe lao động
- c) nắm rõ việc thu thập dữ liệu theo đặc điểm quốc gia cụ thể, các quy trình và vấn đề nhạy cảm về quản lý dữ liệu, cũng như các quy trình do các cơ quan trung ương hoặc các cơ chế điều phối hoạt động nhân đạo xác định
- d) hiểu rõ về nhu cầu đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, đặc biệt liên quan đến các quy chuẩn và tiêu chuẩn đạo đức trong việc thu thập dữ liệu và thực hiện đánh giá nhu cầu phù hợp các nguyên tắc nhân đạo.

Trong trường hợp các đội GDPTTNBMVN triển khai công việc tại các môi trường phức tạp, hoặc khi ranh giới giữa các khu vực an toàn và khu vực không an toàn chưa được xác định rõ ràng, các tổ chức GDPTTNBMVN phải tiến hành đánh giá rủi ro chính thức và có các biện pháp phù hợp nhằm khắc phục bất cứ quan ngại nào về an ninh được cảnh báo. Trong mọi trường hợp các tổ chức GDPTTNBMVN phải đảm bảo cung cấp hỗ trợ y tế phù hợp cho các đội GDPTTNBMVN theo tiêu chuẩn 10.40.

5.3. Các nguyên tắc áp dụng khi đánh giá nhu cầu

Bất cứ khi nào có thể, các đơn vị tiến hành đánh giá nhu cầu cho hoạt động GDPTTNVN cần thu thập các thông tin sẵn có.

Dữ liệu cần được thu thập trên các biểu mẫu sẵn có đã được chuẩn hóa của quốc gia, để đưa vào hệ thống thông tin hành động bom mìn quốc gia. Ngoài ra, các tổ chức cũng có thể thu thập dữ liệu khác cho mục đích lưu hành nội bộ bằng cách sử dụng các biểu mẫu riêng. Nam giới và phụ nữ và những người triển khai thực hiện chương trình khác đang thu thập dữ liệu phải được đào tạo chuyên môn cho mục đích trên, bao gồm cả khía cạnh đạo đức liên quan đến hoạt động thu thập dữ liệu. Cần lưu ý rằng quá trình này không nên thực hiện một cách máy móc, mà cần xây dựng theo hướng một cuộc trò chuyện cởi mở cho phép người được phỏng vấn nói chuyện một cách tự nhiên.

Những người triển khai GDPTTNBMVN sẽ không đưa ra các kỳ vọng không thể thực hiện được, bằng cách, ví dụ suy luận (cố tình hoặc vô ý) rằng việc rà phá trong khu vực có thể được đặt ở mức độ ưu tiên cao hơn sau khi tiến hành đánh giá GDPTTNBMVN.

Các nhu cầu khác nhau của phụ nữ, trẻ em gái, nam giới, trẻ em trai cần được cân nhắc. Sự hiểu biết và yêu cầu của thành viên cộng đồng có thể khác nhau theo độ tuổi, giới tính, xã hội, bộ lạc/dân tộc và nền tảng giáo dục, v.v.

Nạn nhân bị thương tật do bom mìn vật nổ có cả quyền riêng tư, và quyền được tham gia vào các quyết định và chương trình có ảnh hưởng đến họ. Quyền này phải được tôn trọng vào mọi thời điểm.

Tất cả các dữ liệu liên quan đến đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN phải được nhập và hệ thống thông tin hành động bom mìn quốc gia (phục thuộc vào yêu cầu bảo mật hoặc các xem xét các khía cạnh đạo đức khác). Dữ liệu có thể được sử dụng nhằm hỗ trợ các hoạt động HDBM khác và hỗ trợ lập kế hoạch phát triển rộng hơn.

5.4. Dữ liệu được thu thập là một phần của công tác đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN

Dữ liệu được thu thập trong quá trình đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN tạo tiền đề để xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch dựa trên phương pháp ưu tiên được củng cố. Tối thiểu, dữ liệu cần được thu thập nhằm xác định các nội dung sau:

- a) xác định các nhóm mục tiêu, bao gồm cả các nhóm rủi ro cao nhất, cả về mặt xã hội và địa lý, bằng cách thu thập dữ liệu về những người đang chịu rủi ro, loại hình rủi ro, thời điểm và nguyên nhân rủi ro (có liên quan đến vai trò giới trong xã hội), và những người bị ảnh hưởng của bom mìn vật nổ⁹
- b) dữ liệu ban đầu và dữ liệu so sánh về nhận thức của địa phương về bom mìn vật nổ, thái độ, đức tin, chuẩn mực, chiến lược đối phó, và các nguồn thông tin liên quan đến rủi ro do bom mìn vật nổ và sự an toàn cá nhân
- c) các thông tin cơ bản về mối đe dọa của bom mìn vật nổ (ví dụ loại bom mìn vật nổ được sử dụng, tính chất các khu vực ô nhiễm bom mìn vật nổ, bất cứ hệ thống đánh dấu chính quy và không chính quy nào được sử dụng v.v);
- d) các khu vực bị ảnh hưởng lớn nhất (dữ liệu về nơi có nạn nhân bị thương, hoạt động tiến hành vào thời điểm xảy ra tai nạn, nơi rủi ro lớn nhất, nơi có hành vi rủi ro đang được tiến hành v.v)
- e) các thông điệp và hoạt động GDPTTNBMVN đã triển khai, theo các nhóm mục tiêu;
- f) phương pháp tiếp cận và các phương pháp thực hiện giáo dục/truyền thông có sự tham gia của cộng đồng có khả năng tạo ra sự thay đổi về hành vi. Thông tin đầu vào của cộng đồng nên được tìm kiếm thông qua việc thẩm định bất kì chiến lược an toàn mà địa phương hiện có;
- g) các kênh liên lạc và thông tin địa phương: cách thức các nhóm mục tiêu giao tiếp và học hỏi, có cân nhắc đến các yếu tố văn hóa địa phương, ngôn ngữ, giới và các chuẩn mực dựa trên lứa tuổi;
- h) thông tin liên lạc của lãnh đạo địa phương và các thành viên và nhóm cộng đồng chủ chốt khác, những người có thể hỗ trợ hoạt động GDPTTNBMVN và có tiềm năng là những người chủ động thay đổi hành vi an toàn hơn
- i) Thời gian và địa điểm của các nhóm mục tiêu để có thể tiến hành hoạt động GDPTTNBMVN/thông điệp an toàn có xem xét đến phương pháp triển khai;
- j) cơ chế và các mối quan hệ đối tác có thể hỗ trợ các hoạt động GDPTTNBMVN và các thông điệp an toàn và cách ứng phó khẩn cấp; và
- k) các nguồn lực sẵn có và sự phân bố các nguồn lực này.

5.5. Sử dụng kết quả đánh giá nhu cầu

Có nhiều mẫu kế hoạch GDPTTNBMVN khác nhau và thời hạn của mỗi kế hoạch cũng khác nhau. Trừ khi trong bối cảnh khẩn cấp, thông thường kế hoạch GDPTTNBMVN chiến lược sẽ là kế hoạch dài hạn trong vài năm, trong khi kế hoạch hành động hoặc kế hoạch công tác sẽ chỉ có thời hạn một năm hoặc ít hơn.

⁹ Cần chú ý đặc biệt đến việc di dân tới và/hoặc qua các khu vực có rủi ro

Cơ chế ưu tiên cấp quốc gia và cấp cộng đồng đều quan trọng và các tiêu chí GDPTTNBMVN cần được xây dựng có sự phối hợp của các bên liên quan. Các tiêu chí này cần phải rõ ràng và minh bạch.

Nhìn chung, không thể cung cấp dịch vụ GDPTTNBMVN cho toàn bộ cộng đồng dân cư chịu rủi ro vào cùng một lúc. Mọi người chịu những rủi ro khác nhau – và vì vậy nhu cầu của họ cũng không giống nhau. Vì vậy, việc xây dựng cơ chế ưu tiên có ý nghĩa quan trọng nhằm xác định cộng đồng nào sẽ được ưu tiên đầu tiên nhằm thực hiện GDPTTNBMVN, cộng đồng nào ưu tiên thứ hai, và kế tiếp.

Một kế hoạch hành động bom mìn của cộng đồng có thể được xây dựng dựa trên nhu cầu riêng biệt của cộng đồng bị ảnh hưởng đó. Những nhu cầu của cộng đồng cần được đưa vào kế hoạch hành động bom mìn ở cấp cao hơn.

Lập kế hoạch là điều cần thiết để thực hiện hiệu quả và nên dựa trên việc thẩm định nhu cầu của các cộng đồng bị ảnh hưởng một cách cẩn thận và thường xuyên. Việc thẩm định được tiến hành với sự tham gia tích cực của nam giới và phụ nữ trong cộng đồng bị ảnh hưởng. Phương pháp giám sát và đánh giá chương trình sẽ được triển khai cũng cần được xác định trong quá trình lập kế hoạch.

Việc lập kế hoạch nên hướng tới việc xác định và xây dựng các mục tiêu rõ ràng đối với hoạt động GDPTTNBMVN.

6. Thông điệp GDPTTNBMVN và công tác truyền tải thông điệp

6.1. Tổng quan

Thông điệp an toàn là yếu tố trọng tâm trong bất kì các sáng kiến về GDPTTNBMVN. Việc xây dựng, thử nghiệm, phổ biến và thẩm định tác động của những thông điệp này là kết quả của chiến lược và quy trình GDPTTNBMVN đã được lên kế hoạch kỹ càng. Phương pháp tiếp cận chung trên toàn quốc nhằm xử lý các hành vi tạo rủi ro, các nhóm mục tiêu, thông điệp, v.v. không phải lúc nào cũng là cách tốt nhất để triển khai GDPTTNBMVN. Một số quốc gia có sự khác biệt đáng kể về văn hóa và tôn giáo và điều đó quyết định bản chất của hành vi.

Tất cả công tác truyền thông trong GDPTTNBMVN nên dựa trên một chiến lược được chuẩn bị kỹ càng, nhắm vào các nhóm có nguy cơ cụ thể và phù hợp ở khía cạnh xã hội và văn hóa. Trong nhiều trường hợp, nam giới và trẻ em trai chiếm đa số các nạn nhân trực tiếp, tuy nhiên, điều này không có nghĩa chỉ nên tập trung các nỗ lực vào đối tượng nam giới; thứ nhất, phụ nữ và trẻ em gái thường liên quan đến các tai nạn do thực hiện nhiều hoạt động khác nhau, thường có ít hiểu biết hơn về việc ô nhiễm tại các khu vực sau xung đột, và thứ hai, họ thường là những người chủ động tạo ra thay đổi mạnh mẽ, kể cả thay đổi hành vi trong nhóm trẻ em trai và nam thanh thiếu niên. Tối thiểu, các yếu tố sau cần được đưa vào chiến lược truyền thông GDPTTNBMVN:

- a) Các hành vi rủi ro cần xử lý,
- b) Nguyên nhân dẫn đến hành vi rủi ro
- c) các khu vực và nhóm đối tượng mục tiêu/ đối tượng có nguy cơ
- d) các loại ô nhiễm bom mìn vật nổ đe dọa các cộng đồng
- e) văn hóa bản địa bao gồm cả các chuẩn mực xã hội
- f) các hoạt động HDBM hỗ trợ khác được triển khai
- g) các thông điệp chính về an toàn,
- h) các kênh truyền thông, và
- i) Các phương tiện phổ biến thông tin

6.2. Xây dựng thông điệp

Thông điệp được truyền đạt phụ thuộc vào các đối tượng mục tiêu, hành vi cần được khuyến khích và các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến các đối tượng mục tiêu nhằm tạo ra hành vi mong muốn.

Thông điệp hoặc biểu tượng nên phù hợp về văn hóa, ngôn ngữ và xã hội. Cần có những thông điệp tích cực vì mọi người cần cảm thấy rằng họ có thể hành động và bằng cách hành động thì họ có thể cải thiện cuộc sống của chính bản thân và gia đình. Một thông điệp không cần phải ngắn, nhưng phải rõ ràng. Thông điệp cần được điều chỉnh thường xuyên nhằm phản ánh thay đổi của bối cảnh bao gồm các mối đe dọa mới, sự di chuyển của người dân, các hình thái hành vi nguy hiểm khác v.v.

6.3. Kiểm nghiệm thông điệp

Các tổ chức GDTPTNVN phải kiểm nghiệm tất cả mọi thông điệp và các phương tiện sử dụng để truyền đạt được đề xuất đối với một số lượng mẫu các đối tượng bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương cao trước khi xem xét áp dụng rộng rãi.

Việc kiểm nghiệm cần xem xét bất cứ sự khác biệt nào về trình độ và kỹ năng ngôn ngữ, giữa các nhóm xã hội và văn hóa, giữa phụ nữ, trẻ em gái, nam giới và trẻ trai có thể được thực hiện với các mức độ phức tạp và chi phí khác nhau. Việc này không nhất thiết phải mất nhiều thời gian nhưng tối thiểu là có thể xây dựng được các thông điệp hoặc tài liệu:

- a) dễ hiểu
- b) được xã hội chấp nhận
- c) thích hợp
- d) thiết thực, và
- e) Có sức thuyết phục

6.4. Theo dõi, rà soát và điều chỉnh các thông điệp GDPTTNBMVN

Các thông điệp và việc truyền tải thông điệp phải được các dự án hoặc chương trình GDPTTNBMVN theo dõi để đảm bảo hiệu quả của chúng. Hệ thống giám sát nên được thiết lập ở giai đoạn lập kế hoạch. Điều này có nghĩa là thẩm định xem liệu các thông điệp có:

- a) Phù hợp trong trường hợp bối cảnh thay đổi
- b) tiếp cận được các đối tượng mục tiêu;
- c) được hiểu rõ và chấp nhận (thay đổi kiến thức và thái độ); và
- d) khiến mọi người hành động theo nội dung thông điệp (thay đổi hành vi)

7. Sử dụng truyền thông và tài liệu

7.1. Thiết kế tài liệu và truyền thông GDPTTNBMVN

Khi xác định liệu có nhu cầu và các công cụ về truyền thông nhằm hỗ trợ GDPTTNBMVN hay không, cần xem xét cẩn trọng về những khó khăn nhằm chuyển tải đúng thông điệp đến đúng người thông qua đúng ngôn ngữ hoặc, biểu tượng bằng cách sử dụng mọi công cụ truyền thông có sẵn

Việc xây dựng một chương trình GDPTTNBMVN thường đòi hỏi triển khai một loạt các hoạt động chiến lược dựa trên các phương pháp, phương tiện và sản phẩm truyền thông nhằm mục đích thúc đẩy tối đa sự thay đổi hành vi tích cực của nhóm dân cư chịu rủi ro trong một bối cảnh cụ thể. Các phương tiện và sản phẩm truyền thông có thể bao gồm; đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, các video, trang web, truyền thông xã hội, tin nhắn ký tự, ứng dụng di động, múa rối, nhà hát, các ấn phẩm và công cụ khác.

Việc áp dụng tài liệu từ các bối cảnh khác có thể không phù hợp hoặc gây hiểu lầm trong một số trường hợp nhất định. Do đó, việc áp dụng các tài liệu GDTPTNVN cho các bối cảnh và tình huống khác nhau cần được kiểm nghiệm cẩn thận trước khi phổ biến. Các sản phẩm GDTPTNVN cần được kiểm nghiệm lại khi có sự thay đổi về bối cảnh và loại hình rủi ro bom mìn vật nổ

7.2. Kiểm nghiệm truyền thông và tài liệu GDPTTNBMVN

Cũng như các thông điệp, truyền thông và tài liệu GDPTTNBMVN cần được kiểm nghiệm đối với một số lượng mẫu các đối tượng bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương cao trước khi xem xét áp dụng rộng rãi. Ví dụ, việc thảo luận theo nhóm tập trung hoặc phỏng vấn nhóm hoặc cá nhân có thể được tiến hành để thảo luận về phương pháp đề xuất với các thành viên được lựa chọn từ nhóm đối tượng mục tiêu.

Việc kiểm nghiệm các tài liệu GDPTTNBMVN nên bao gồm kiểm tra xem các mẫu thiết kế có dễ hiểu, được công chúng chấp nhận, có phù hợp, có lôi cuốn và có sức thuyết phục hay không.

7.3. Giám sát và hiệu chỉnh truyền thông và tài liệu GDPTTNBMVN

Là một phần của hệ thống giám sát dự án và chương trình, cần kiểm tra thường xuyên sự phù hợp và sự phản hồi đối với các thông điệp GDPTTNBMVN. Cần ngừng các hoạt động truyền thông và tài liệu truyền thông dẫn đến việc truyền tải thông điệp sai, cho đến khi chúng được hiệu chỉnh một cách hiệu quả. Các nguồn lực phù hợp cần được huy động nhằm thực hiện điều chỉnh theo yêu cầu của công tác giám sát truyền thông.

8. Thực hiện GDPTTNBMVN

8.1. Tổng quan

Chuyên mục này xác định các vấn đề cụ thể trong việc thực hiện các dự án và chương trình GDPTTNBMVN, đặc biệt là GDPTTNBMVN trong trường hợp khẩn cấp và cách thức đẩy GDPTTNBMVN bền vững.

8.2. GDPTTNBMVN trong tình huống khẩn cấp

Tình huống khẩn cấp có thể xảy ra do xung đột vũ trang hoặc thiên tai¹⁰. GDPTTNBMVN trong tình huống khẩn cấp bao gồm những nỗ lực nâng cao nhận thức về mức độ rủi ro cao mới xuất hiện do bom mìn bom mìn vật nổ. Mục đích nhằm thúc đẩy hành vi an toàn của tất cả những người dân có nguy cơ, đặc biệt là trẻ em, trong một thời gian ngắn nhất có thể. Phạm vi thực hiện có thể trên toàn quốc hoặc chỉ cục bộ địa phương, và tình huống khẩn cấp có thể kéo dài trong vài ngày, vài tuần, vài tháng hoặc vài năm.

GDPTTNBMVN trong các tình huống khẩn cấp do có xung đột vũ trang sẽ bao gồm các hoạt động GDPTTNBMVN trong thời gian xảy ra xung đột và sau khi xung đột kết thúc. Việc thực hiện GDPTTNBMVN trong thời gian xảy ra xung đột là công việc hết sức nhạy cảm và yêu cầu cách tiếp cận có cân nhắc vấn đề nhạy cảm sau xung đột nhằm đảm bảo không tạo ra các rủi ro liên quan đến các hoạt động thù địch cho cộng đồng. Trong các tình huống đó, việc báo cáo các mối nghi ngờ về bom mìn vật nổ là đặc biệt nhạy cảm. Ngoài ra, GDPTTNBMVN trong quá trình xảy ra xung đột cũng cần lưu ý đến yếu tố đảm bảo an ninh cho các đội GDPTTNBMVN.

8.2.1. Những thách thức cơ bản của GDPTTNBMVN trong tình huống khẩn cấp

Về lý tưởng, GDPTTNBMVN nên là một hình thức trao đổi thông tin với các nhóm đặc thù trong các cộng đồng có nguy cơ để hỗ trợ sự thay đổi hành vi bền vững. Trong tình huống khẩn cấp, vì các nguyên do về thời gian, hoạt động truyền thông có thể đều là một chiều. Mục đích nhằm tiếp cận nhiều nhất số người dân có nguy cơ cao trong thời gian sớm nhất có thể nhằm cập nhật thông tin về bom mìn vật nổ và thông điệp an toàn cơ bản để khuyến khích hành vi an toàn¹¹. Sự dịch chuyển dân số (người tị nạn khỏi vùng ô nhiễm/ người tị nạn và người trở về sau khi tị nạn) hoặc thậm chí sự di chuyển của các cộng đồng bản địa là các yếu tố rủi ro đặc biệt trong những tình huống khẩn

¹⁰ UNICEF định nghĩa một tình huống khẩn cấp là 'một tình huống đe dọa đến tính mạng và sức khỏe của một phần lớn dân số và trong đó cần có hành động lớn lao để đảm bảo sự sống, chăm sóc và bảo vệ họ'

¹¹ UNICEF định nghĩa tình huống khẩn cấp là 'một tình huống nguy hiểm đối với cuộc sống và sức khỏe của của một số lượng lớn dân số, đòi hỏi phải có nỗ lực vô cùng lớn nhằm đảm bảo mạng sống, chăm sóc và bảo vệ họ'

cấp. Việc tiếp cận các nhóm dân cư có rủi ro thường bị hạn chế vì các lý do an ninh hoặc do cơ sở hạ tầng bị tàn phá, vì vậy đòi hỏi cần xây dựng các chiến lược đổi mới nhằm tiếp cận các khu vực “khó tiếp cận”, nhằm cung cấp tập huấn và thực hiện hoạt động giám sát. Vào cuối giai đoạn khẩn cấp, có thể cần thực hiện đánh giá hoặc thẩm định lại yêu cầu nhằm thiết lập phương pháp GDPTTNBMVN trong giai đoạn mới/tiếp theo sau giai đoạn khẩn cấp khác.

8.2.2. Các thông điệp GDPTTNBMVN trong tình huống khẩn cấp

Trong tình huống khẩn cấp, các thông điệp về bản chất nên theo khuynh hướng tổng quát vì việc đánh giá nhu cầu toàn diện thường không khả thi. Việc xác định các thông điệp chính trong các trường hợp như vậy phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như đối tượng mục tiêu và các loại hành vi rủi ro và các thông tin CQHĐBMQG và các tổ chức GDPTTNBM có thể tiếp cận được. Do đó, các nỗ lực nên tập trung vào việc nâng cao nhận thức về mối nguy hiểm và nhấn mạnh vào hành vi an toàn, chẳng hạn như nhận biết các khu vực nguy hiểm tiềm tàng, cũng như cần báo cáo cho ai trong trường hợp phát hiện bom mìn vật nổ hoặc khu vực nghi ngờ ô nhiễm.

8.3. GDPTTNBMVN trong trường học

Tích hợp GDPTTNBMVN vào hệ thống trường học và chương trình giảng dạy là một chiến lược chủ yếu được xây dựng ở các quốc gia phải đối mặt với vấn đề bom mìn vật nổ phổ biến và kéo dài, bao gồm cả tình huống khẩn cấp, có khả năng các thế hệ tiếp theo vẫn phải đối mặt. Đây là một phương pháp nhằm hướng vào phần lớn trẻ em và phù hợp ở các quốc gia nơi chính phủ thừa nhận bom mìn vật nổ còn sót lại là một vấn đề lâu dài, đòi hỏi nhiều giải pháp bền vững. Thông tin và phương tiện cung cấp thông tin phải phù hợp với các độ tuổi khác nhau. GDPTTNBMVN không nhất thiết phải là một môn học cụ thể, nhưng có thể được kết hợp như một hoạt động ngoại khóa hoặc vào một chương trình giảng dạy về kỹ năng sống hoặc chương trình giảng dạy về môi trường xã hội.

8.3.1 Tích hợp GDPTTNBMVN vào chương trình giảng dạy

Việc tích hợp GDPTTNBMVN vào chương trình giảng dạy của nhà trường hoặc như một hoạt động ngoại khóa khác với các dự án có nhóm GDPTTNBMVN đến thăm các trường học và trình bày về chủ đề này. Khi thiết lập một chương trình để tích hợp GDPTTNBMVN vào hệ thống trường học, cần xác định xem liệu có cần thực hiện tại tất cả các trường học trong cả nước hay chỉ một số trường nằm ở các khu vực bị ảnh hưởng nặng nề.

CQHĐBMQG cần xác định liệu chính quyền trung ương hoặc địa phương và hệ thống trường học có đủ năng lực và sẵn sàng thực hiện một chương trình như vậy. Nhiều trường học cấp khu vực và ở nông thôn có thể có cơ sở vật chất kém với đội ngũ giảng viên có thể chưa đạt chuẩn và thu nhập thấp. Sự chấp thuận của Bộ hoặc Sở Giáo dục & Đào tạo và người đứng đầu các trường mục tiêu là yếu tố cần thiết ngay từ lúc bắt đầu chương trình. Các cơ sở giáo dục này sẽ tham gia vào việc phát triển chương trình và sẽ chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc thực hiện và giám sát và cung cấp các nguồn lực cho chương trình đó.

Có thể GDPTTNBMVN thích hợp hơn để đưa vào trong các trường học như một hoạt động hỗ trợ thay vì tích hợp nó vào chương trình giảng dạy mà có thể mất vài năm để đạt được điều này. Ngoài ra, tùy thuộc vào mức độ ghi danh của trường học ở một quốc gia hoặc khu vực, có thể yêu cầu về việc phát triển các dự án và phương pháp đặc biệt để tiếp cận với trẻ em ngoài trường và / hoặc những em theo học các trường không chính quy hoặc mang yếu tố tôn giáo. Các em thường là đối tượng có nguy cơ cao hơn của các vụ tai nạn bom mìn vật nổ so với những em học tại trường chính quy. Có thể tiếp cận những em này thông qua việc phát triển hoạt động liên lạc cộng đồng và các dự án và chương trình GDPTTNBMVN quy mô rộng hơn.

Phương pháp tiếp cận từ-trẻ em-đến-trẻ em có thể hữu ích để tiếp cận anh chị em của trẻ, những em có thể chưa có cơ hội đến trường.

8.4 Tăng cường năng lực cộng đồng trong GDPTTNBMVN

Nỗ lực tăng cường năng lực cộng đồng cho GDPTTNBMVN nên là một phần không thể thiếu trong bất kỳ chương trình GDPTTNBMVN nào. Điều này có thể bao gồm việc thiết lập các mạng lưới tình nguyện viên và tăng cường các nỗ lực quản lý rủi ro cộng đồng. GDPTTNBMVN có thể được tích hợp với hoạt động phát triển, rà phá bom mìn / điều tra khảo sát, hỗ trợ người khuyết tật và các phương pháp giảm thiểu rủi ro dựa trên cộng đồng khác. Những phương pháp này có thể bao gồm,

việc xây dựng một mạng lưới các đầu mối tại cộng đồng cho hoạt động GDPTTNVN và báo cáo về bom mìn vật nổ, duy trì các hệ thống đánh dấu khu vực nguy hiểm ở cộng đồng, và giáo dục về tầm quan trọng của những hoạt động này trong thời gian chờ đợi hoạt động rà phá được triển khai.

9. Điều phối công tác GDPTTNBMVN và quản lý thông tin

9.1. Tổng quan

Hoạt động điều phối có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo rằng các tổ chức GDPTTNBMVN và các tổ chức hành động bom mìn khác bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau trong công việc.

Điều phối công tác GDPTTNBMVN nên đảm bảo sự tham gia chặt chẽ và hiệu quả của tất cả các tổ chức có liên quan trong tất cả các hợp phần của một chu trình GDPTTNBMVN: từ khâu thẩm định, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các chiến lược và hoạt động. GDPTTNBMVN cũng nên được phối hợp cùng với các hoạt động HDBM và các nỗ lực cứu trợ và phát triển khác. Bằng cách này, GDPTTNBMVN có thể thực hiện tốt hơn mục tiêu về giảm thiểu số nạn nhân, giảm tác động kinh tế xã hội của bom mìn vật nổ, và thúc đẩy sự phát triển (ví dụ giải phóng đất đai, đảm bảo người dân cảm thấy an toàn hơn tại khu vực họ sinh sống, giáo dục thông qua tích hợp nội dung GDPTTNBMVN vào chương trình dạy học của nhà trường, v.v)

9.2. Các cơ chế và công cụ điều phối

Để đạt hiệu quả tối đa, hoạt động GDPTTNBMVN nên được điều phối theo cơ cấu của chương trình hành động bom mìn.

Trách nhiệm chung đối với việc quản lý hành động bom mìn cấp quốc gia, bao gồm GDPTTNBMVN, thông thường thuộc về CQHĐBMQG (hoặc các tổ chức được ủy quyền). CQHĐBMQG thường đưa ra chính sách và chiến lược hành động bom mìn tổng thể cho quốc gia. Cơ quan này cũng có thể điều phối các hoạt động HDBM dù vai trò này thường được giao cho TTHĐBM và trung tâm này báo cáo về CQHĐBMQG. Tương tự, TTHĐBMQG có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao thông qua một số TTHĐBM cấp khu vực. Ngoài việc điều phối GDPTTNBMVN thông qua CQHĐBMQG / TTHĐBM, các tổ chức GDPTTNBMVN nên tham gia vào các cơ chế phối hợp có liên quan đang hoạt động hoặc các cơ chế do chính phủ, LHQ hoặc các tổ chức phi chính phủ (PCP) thành lập ở cấp khu vực và quốc gia.

Khi vấn đề bom mìn vật nổ nằm ngoài biên giới của quốc gia, GDPTTNBMVN cần phải được phối hợp ở cấp khu vực nhằm đảm bảo sự hài hòa của các phương pháp tiếp cận đến mức cao nhất nhằm tạo ra các thông điệp mạch lạc cho những người tị nạn/người tị nạn cư khỏi các vùng đất bị ô nhiễm ở các cộng đồng cư dân. Việc điều phối cấp khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong các tình huống xung đột hoặc khủng hoảng nhân đạo trên diện rộng vượt qua biên giới một quốc gia. Tại những quốc gia và vùng lãnh thổ nơi không có cơ chế điều phối hành động bom mìn hiệu quả, những người triển khai GDPTTNBMVN cần phối hợp công việc của họ thông qua các nhóm hoạt động nhân đạo hiện có (ví dụ, bảo vệ, giáo dục) và/hoặc xây dựng nhóm điều phối riêng.

10. Công tác giám sát và đánh giá¹²

10.1. Tổng quan

Công tác giám sát là hoạt động liên tục nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động GDPTTNBMVN và các kết quả đầu ra của dự án hoặc chương trình theo kế hoạch. Công tác đánh giá nên tập trung vào việc đạt được các mục tiêu, tác động của GDPTTNBMVN, trách nhiệm và các bài học kinh nghiệm.

10.2. Các vấn đề chính cần giám sát

Công tác giám sát ít nhất nên xem xét chất lượng hoạt động GDPTTNBMVN đang được thực hiện và liệu kế hoạch đang được triển khai liệu có phù hợp với nhu cầu của các cộng đồng bị ảnh hưởng hay không. Do đó, các vấn đề sau đây nên được giám sát:

- a) hiệu quả và hiệu suất triển khai các hoạt động GDPTTNBMVN;

¹² Xem hướng dẫn chi tiết về đánh giá hoạt HDBM trong IMAS 14.10

- b) nhận thức của các cộng đồng có nguy cơ đối với các dự án và chương trình GDPTTNBMVN;
 - c) Kiến thức được gia tăng và ghi nhớ
 - d) Kết quả thay đổi hành vi;
 - e) phạm vi địa lý;
 - f) các nguyên tắc về công bằng (mức độ tập trung và ưu tiên đối với những đối tượng dễ bị tổn thương nhất)
 - g) các lí do cho việc chấp nhận rủi ro, các hành vi mới, sự thích ứng với nguy cơ;
 - h) tai nạn và thương vong liên quan đến bom mìn vật nổ; và
- g) những thay đổi về cơ cấu nhóm rủi ro mục tiêu.

Ngoài việc theo dõi hiệu quả của hoạt động GDPTTNBMVN và tiến độ thực hiện các kế hoạch, nên giám sát sự thay đổi về mối nguy hiểm và môi trường ô nhiễm bom mìn vật nổ. Điều này bao gồm giám sát các thay đổi đối với:

- a) Mối đe dọa từ bom mìn vật nổ
- b) các giả định ban đầu về các nhóm mục tiêu;
- c) những thay đổi về nhân khẩu và văn hóa ảnh hưởng đến những người có nguy cơ cao nhất;
- d) bối cảnh chính trị và kinh tế xã hội rộng hơn có thể ảnh hưởng đến khả năng hưởng ứng của người dân với GDPTTNBMVN theo cách phù hợp.

10.3. Xây dựng hệ thống giám sát

Công tác giám sát nên được thực hiện ở cấp độ dự án, chương trình và nội bộ theo cả hai phương thức - nội bộ (do chính tổ chức thực hiện) và bên ngoài (do TTHĐBMQG hoặc tổ chức thay mặt các cơ quan này). Hoạt động giám sát nhằm mục đích đảm bảo tất cả hoạt động GDPTTNBMVN đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế hiện hành, bao gồm các yêu cầu chứng nhận năng lực được cấp cho các tổ chức GDPTTNBMVN.

Bất cứ hệ thống giám sát nào được xây dựng, cần có khả năng:

- a) xác định các chỉ số đo lường, bao gồm dữ liệu về giới tính và độ tuổi có liên quan, tập trung vào sự phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và tính bền vững;
- b) thiết lập các hệ thống để thu thập thông tin liên quan đến các chỉ số này;
- c) có một quy trình thu thập và ghi lại thông tin một cách có hệ thống;
- d) đảm bảo dữ liệu thu thập được phân tích và giải thích;
- e) đảm bảo thông tin được sử dụng nhằm điều hành công tác quản lý dự án / chương trình hàng ngày; và
- f) đảm bảo GDPTTNBMVN được điều chỉnh dựa trên thông tin được thu thập thông qua giám sát để đảm bảo các hoạt động hỗ trợ cho việc hoàn thành các mục tiêu.

10.4. Các vấn đề chính cần đánh giá

Khi đánh giá kết quả GDPTTNBMVN cần đánh giá tác động của dự án hoặc chương trình, đặc biệt trong việc thay đổi hành vi và đóng góp vào việc giảm thiểu tác động của bom mìn vật nổ đối với con người, xã hội hoặc kinh tế. Công tác đánh giá có thể không nhất thiết là của một dự án duy nhất, mà cũng có thể là việc xem xét phương pháp tiếp cận / chính sách / chiến lược của tổ chức về GDPTTNBMVN.

10.5. Mục đích thực hiện việc đánh giá

Có bốn lý do chính đáng để thực hiện đánh giá dự án hoặc chương trình GDPTTNBMVN:

- a) để cải thiện hiệu quả và hiệu suất;
- b) để tăng cường trách nhiệm;
- c) để cải thiện sự liên lạc giữa các bên liên quan; và
- d) để cải thiện việc học hỏi và **hoạt động nâng quyền**???

Cuối cùng, giá trị của hoạt động đánh giá, cũng như công tác giám sát, chỉ được công nhận khi kết quả của hoạt động này được sử dụng. Vì vậy, kết quả của một đánh giá nên đưa trực tiếp vào kế hoạch dự án và chương trình GDPTTNBMVN trong tương lai, chiến lược tổ chức và nên được phổ biến rộng rãi cho tất cả các bên liên quan của chương trình, ở mức độ có thể.

10.6. Thời điểm cần đánh giá

Việc đánh giá có thể diễn ra ở các giai đoạn khác nhau của chu trình dự án/chương trình, không chỉ ở giai đoạn kết thúc. Các đánh giá cuối kỳ (được thực hiện ngay sau khi kết thúc các hoạt động GDPTTNBMVN) và các đánh giá trong giai đoạn phát triển (đôi khi còn được gọi là đánh giá giữa kỳ) nhằm mục đích hỗ trợ việc xây dựng dự án hoặc chương trình trong quá trình thực hiện bằng cách nêu bật thành quả, xác định các vấn đề và đề xuất các giải pháp. Đánh giá tổng kết (hoặc đánh giá sau cuối kỳ) diễn ra sau khi dự án hoặc chương trình kết thúc (đôi khi diễn ra ở một vài năm sau đó) và nhằm mục đích rút ra các bài học và đưa vào chính sách dài hạn.

Quyết định khi nào cần đánh giá sẽ phụ thuộc vào từng dự án hoặc chương trình, và các yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến nó. Các yếu tố cần được xem xét dưới đây gồm:

- a) liệu dự án hoặc chương trình có các mục tiêu ngắn hay dài hạn;
- b) phương pháp giám sát nào đã được sử dụng (đó là dữ liệu nào có sẵn);
- c) liệu có cần cán bộ đánh giá bên ngoài tổ chức;
- d) sự sẵn có của các nguồn lực nhằm thực hiện đánh giá; và
- e) tác động của việc đánh giá sẽ ảnh hưởng đến thời gian của mọi người (cả nhân viên dự án / chương trình và đối tượng hưởng lợi).

11. Phát triển năng lực

11.1. Tổng quan

Nhu cầu phát triển năng lực quốc gia được xem là một lĩnh vực quan trọng đối với sự hỗ trợ quốc tế kể từ những ngày đầu triển khai hoạt động HDBM.

11.2. Xây dựng kế hoạch phát triển năng lực

Dựa trên các thông tin và nghiên cứu từ đánh giá nhu cầu và đánh giá năng lực và/hoặc kết quả đánh giá năng lực cụ thể của các cơ quan cấp quốc gia hoặc địa phương, cần xây dựng một kế hoạch phát triển năng lực nhằm cải thiện hoạt động và quản lý điều hành GDPTTNBMVN.

Một kế hoạch phát triển năng lực nên bao gồm các yếu tố sau:

- a) tầm nhìn của các bên liên quan và sự hiểu biết về các lỗ hổng hiện tại trong năng lực quản lý;
- b) các hoạt động để giải quyết từng vấn đề, trên cơ sở gắn kết với tầm nhìn tổng quát;

- c) các điểm mốc và kết quả đầu ra cụ thể cần đạt được trong việc đáp ứng từng mục tiêu đã nêu;
- d) quy trình để đạt được từng mục tiêu; và
- e) phân chia rõ ràng cá nhân/đơn vị sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ, thực hiện và / hoặc triển khai kế hoạch.

Xây dựng năng lực có thể được thực hiện trực tiếp tại chỗ, hoặc thông qua việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật từ xa.

Dựa trên kế hoạch chiến lược và tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu, giai đoạn tiếp theo trong quy trình là xây dựng kế hoạch làm việc. Một kế hoạch làm việc thông suốt một cách hợp lý từ khâu lập kế hoạch chiến lược đến hỗ trợ triển khai chiến lược, thường là trên cơ sở hàng năm. Tài liệu tập trung vào hoạt động tác nghiệp này thường bao gồm các hoạt động chi tiết và các nguồn lực cần thiết, cũng như kết quả, chỉ số và mục tiêu của chương trình. Tài liệu này cũng cần bao gồm một khung đo lường hiệu suất ngắn gọn, tóm tắt các hợp phần chính của kế hoạch theo một định dạng dễ theo dõi.

11.3. Các cộng đồng có nguy cơ

Các cộng đồng có nguy cơ, tức là những người sống chung với các mối nguy hại từ bom mìn, bom mìn vật nổ, bao gồm cả những người bị thương tật do tai nạn bom mìn vật nổ. Nhiều người tự xây dựng các cơ chế đối phó cục bộ, có thể ít nhiều có hiệu quả. Các tổ chức GDPTTNBMVN trước tiên nên tìm hiểu và hỗ trợ các cộng đồng có nguy cơ trong nỗ lực giảm thiểu rủi ro thay vì cho đó là là sự thiếu quan tâm hiểu biết hoặc sự thiếu năng lực. Hoạt động phát triển năng lực tiếp sau đó có thể bao gồm các lĩnh vực như quản lý thông tin, quản lý rủi ro và thực hiện GDPTTNBMVN. Quản lý rủi ro liên quan đến việc đánh dấu hoặc làm rào chắn hoặc tìm kiếm giải pháp thay thế cho việc chấp nhận rủi ro và sử dụng các phương pháp thay thế để tiếp cận nguồn sinh kế và nguồn lực mà không cần rà phá hoặc tiếp cận các khu vực nghi ngờ ô nhiễm.

11.4. Cơ quan Hành động bom mìn quốc gia (CQHĐBMQG)

Xây dựng năng lực của Cơ quan Hành động bom mìn quốc gia (CQHĐBMQG) có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện chương trình hành động bom mìn. Trong trường hợp của GDPTTNBMVN, CQHĐBMQG cần nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của GDPTTNBMVN và có khả năng đưa ra các quyết định chiến lược, sáng suốt về định hướng và đóng góp của GDPTTNBMVN để giảm thiểu thương vong và HDBM hiệu quả.

11.5. Trung tâm Hành động bom mìn (TTHĐBM)

Năng lực điều phối hiệu quả hoạt động GDPTTNBMVN của Trung tâm Hành động bom mìn (TTHĐBM), nếu Trung tâm có tồn tại, đóng vai trò trọng yếu đối với sự thành công của bất kỳ chương trình GDPTTNBMVN. Những nỗ lực phát triển năng lực cần bao gồm các khả năng thẩm định, lập kế hoạch, giao nhiệm vụ, giám sát và đảm bảo chất lượng của các dự án cũng như toàn bộ chương trình GDPTTNBMVN.

11.6. Các tổ chức GDPTTNBMVN

Các tổ chức GDPTTNBMVN, đặc biệt trong các tổ chức phi chính phủ trong nước, cần phát triển năng lực để thẩm định, lập kế hoạch, đào tạo, thực hiện và giám sát công tác GDPTTNBMVN. Điều này đặc biệt thách thức khi các phương pháp phát triển có sự tham gia của cộng đồng được thể chế hóa một cách hiệu quả. Ví dụ, việc tạo thuận lợi cho các phương pháp và kỹ thuật đánh giá có sự tham gia của cư dân nông thôn, là một nhiệm vụ quản lý phức tạp, đòi hỏi kỹ năng và chuyên môn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Điều tương tự cũng áp dụng cho nhu cầu sử dụng dữ liệu một cách có ý nghĩa để tạo ra thay đổi và kết hợp dữ liệu vào kế hoạch phát triển và hành động bom mìn. Cần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hỗ trợ các cá nhân hoặc cộng đồng suy ngẫm về các vấn đề của chính họ để tìm giải pháp có ý nghĩa, thay vì những người bên ngoài nói với họ về vấn đề của họ. Điều này đòi hỏi các kỹ năng cao về điều phối, bao gồm khả năng lắng nghe.

12. Vai trò và trách nhiệm

12.1. Cơ quan hành động bom mìn quốc gia

CQHĐBMQG cần:

- a) Đảm bảo GDPTTNBMVN được lồng ghép vào chương trình hành động bom mìn quốc gia
- b) thiết lập và duy trì các tiêu chuẩn và / hoặc hướng dẫn cấp quốc gia về GDPTTNBMVN
- c) Thiết lập các yêu cầu liên quan đến việc công nhận hoạt động của các tổ chức GDPTTNBMVN
- d) Liên lạc với các tổ chức nhân đạo, phát triển, bản vẽ và giáo dục về lập kế hoạch chiến lược và áp dụng kế hoạch chiến lược đối với hoạt động GDPTTNBMVN
- e) Cung cấp các nguồn lực phù hợp nhằm thực hiện chương trình GDPTTNBMVN quốc gia
- f) liên lạc với các nhà tài trợ và đơn vị ủng hộ khác, chẳng hạn như các tổ chức phát triển năng lực, tổ chức vận động chính sách và đại diện truyền thông;
- g) tổ chức các hoạt động đánh giá bên ngoài của toàn bộ chương trình GDPTTNBMVN; và

12.2. Trung tâm Hành động bom mìn

Trung tâm HĐBMQG cần:

- a) đảm bảo các hoạt động GDPTTNBMVN được điều phối, ưu tiên và thực hiện theo các tiêu chuẩn, chiến lược và chính sách quốc gia
- b) thành lập các cơ chế thiết lập ưu tiên rõ ràng và minh bạch cho các tổ chức GDPTTNBMVN
- c) Điều phối và giám sát việc thực hiện GDPTTNBMVN ở trong nước
- d) Thay mặt CQHĐBMQG phê duyệt các tiêu chí của hệ thống công nhận (nếu có), và công nhận hoạt động của các tổ chức GDPTTNBMVN dựa trên các yêu cầu này
- e) Đảm bảo các dữ liệu và thông tin sẵn có khác phục vụ công tác GDPTTNBMVN
- f) Quản lý việc phát triển năng lực triển khai hoạt động GDPTTNBMVN bền vững của quốc gia thông qua các đối tác GDPTTNBMVN trong nước và quốc tế
- g) Điều phối việc triển khai đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN, chia sẻ tất cả các thông tin, cần nhắc các yêu cầu bảo mật, với các tổ chức GDPTTNBMVN, các tổ chức hành động bom mìn và các cơ quan khác
- h) đề xuất các chính sách, chiến lược và tiêu chuẩn về GDPTTNBMVN cho CQHĐBMQG
- i) liên lạc với các tổ chức nhân đạo, phát triển, bảo vệ và giáo dục khác hoạt động ở địa bàn

12.3. Các tổ chức GDPTTNBMVN

Các tổ chức GDPTTNBMVN cần:

- a. được CQHĐBMQG công nhận năng lực thực hiện các hoạt động GDPTTNBMVN (nếu hệ thống công nhận có tồn tại)
- b. Triển khai các hoạt động GDPTTNBMVN theo đúng các tiêu chuẩn, chiến lược và chính sách quốc gia

- c. đảm bảo tất cả các nhân sự triển khai GDPTTNBMVN đều có năng lực và được đào tạo, trang bị phù hợp và
- d. duy trì các ghi chép chính xác về tất cả các hoạt động và cung cấp cho TTHĐBMQG/CQHĐBMQG tất cả các dữ liệu và thông tin cần thiết liên quan đến việc triển khai GDPTTNBMVN

Khi CQHĐBMQG đang trong quá trình thành lập, các tổ chức GDPTTNBMVN sẵn sàng hỗ trợ quá trình thành lập bằng cách tư vấn và hỗ trợ, bao gồm cả việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia.

Trong các tình huống khẩn cấp, tối thiểu, việc điều phối giữa các tổ chức GDPTTNVN cần bao gồm các cuộc họp nhằm thống nhất:

- a. đơn vị nào phụ trách địa bàn nào
- b. kế hoạch ưu tiên và thời gian triển khai hoạt động
- c. các thông điệp sẽ được ưu tiên truyền tải tại các dự án khác nhau
- d. các hướng dẫn cơ bản nào cần được tất cả các tổ chức GDPTTNBM tuân thủ; và
- e. các tham số nhằm thu thập dữ liệu và chia sẻ thông tin chung

12.4. Các cộng đồng có nguy cơ

Các cộng đồng có nguy cơ, chẳng hạn những người chung sống với các mối nguy hiểm từ bom mìn vật nổ chịu trách nhiệm chính trong việc tự bảo vệ chính mình. Nhiều người xây dựng các cơ chế đối phó cục bộ, có thể ít nhiều có hiệu quả. Các tổ chức GDPTTNBMVN nên tìm cách thông cảm và hỗ trợ các cộng đồng có nguy cơ trong nỗ lực giảm thiểu rủi ro và không cho đó là sự thiếu hiểu biết hoặc thiếu năng lực.

12.5. Liên Hiệp Quốc

LHQ có trách nhiệm chung trong việc cho phép và khuyến khích việc quản lý hiệu quả các chương trình hành động bom mìn bằng cách liên tục hiệu chỉnh tiêu chuẩn IMAS nhằm phản ánh việc xây dựng các quy tắc và thông lệ đối với hành động bom mìn, và đưa các thay đổi vào các quy định, yêu cầu và điều ước quốc tế. Các hiệp ước này bao gồm Công ước về Quyền trẻ em (1989) và Công ước của Liên Hợp Quốc về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (1979).

Phụ lục A

Tài liệu quy phạm tham khảo

Các tài liệu quy phạm sau đây có chứa các điều khoản, được tham chiếu và, tạo thành một phần các điều khoản của tiêu chuẩn này. Điều này không áp dụng đối với các tài liệu tham khảo lỗi thời, được sửa đổi, hoặc hiệu đính. Tuy nhiên, các bên liên quan đồng ý áp dụng tiêu chuẩn này được khuyến khích xem xét áp dụng các phiên bản mới nhất của các tài liệu quy phạm được nêu dưới đây. Đối với tài liệu tham khảo không đề ngày tháng, tham khảo phiên bản mới nhất của tài liệu quy phạm để áp dụng. Các thành viên của ISO và IEC duy trì số đăng ký của ISO hoặc EN hiện hành hợp lệ:

- a) Các sách hướng dẫn kỹ thuật và Tài liệu tập huấn về GDPTTNBMVN;
- b) Tiêu chuẩn IMAS 01.10 về Hướng dẫn áp dụng bộ tiêu chuẩn IMAS;
- c) Tiêu chuẩn IMAS 04.10 về Danh mục các thuật ngữ, định nghĩa và viết tắt;
- d) Tiêu chuẩn IMAS 05.10
- e) Công ước cấm mìn sát thương (APMBC);
- f) Nghị định thư số V về Công ước LHQ về một số vũ khí thông thường; và
- g) Công ước cấm bom đạn chùm (CCM).

Nên sử dụng các ấn bản/phiên bản mới nhất của các tài liệu tham khảo này. GICHD giữ bản sao của tất cả các tài liệu tham khảo được sử dụng trong tiêu chuẩn này. Việc đăng ký ấn bản/phiên bản mới nhất của các tiêu chuẩn, hướng dẫn và tài liệu tham khảo IMAS được GICHD tổ chức thực hiện và có thể tìm đọc trên trang web của IMAS (<http://www.mineactionstandards.org/>).

CQHĐBM Quốc gia, người quản lý lao động và các cơ quan, tổ chức quan tâm khác nên nhận bản sao tài liệu này trước khi bắt đầu triển khai các chương trình hành động bom mìn.

Các ghi chép sửa đổi

Quản lý việc sửa đổi tiêu chuẩn IMAS

Các tiêu chuẩn IMAS được chính thức rà soát lại 3 năm/lần. Tuy nhiên, điều này không loại trừ khả năng là các sửa đổi được thực hiện trong thời gian 3 năm đó vì lý do đảm bảo an toàn và hiệu quả cho các hoạt động hoặc vì mục đích biên tập tài liệu.

Các sửa đổi đối với tiêu chuẩn IMAS này đều sẽ được đánh số. Thời gian và các chi tiết chung của các sửa đổi được thể hiện trong bảng dưới đây. Sửa đổi cũng sẽ được nêu ở trang bìa của tiêu chuẩn IMAS với dòng ghi chú thêm vào dưới phần ghi thời gian xuất bản “đã bao gồm sửa đổi số 1, v.v.”

Sau mỗi lần kiểm tra chính thức 1 tiêu chuẩn IMAS, 1 phiên bản mới có thể được xuất bản. Tất cả các sửa đổi cho đến ngày xuất bản sẽ được đưa vào phiên bản mới và bảng ghi chép các sửa đổi khi đó sẽ được bỏ trống. Các ghi chép sửa đổi sẽ bắt đầu lại cho tới khi lần rà soát chính thức tiếp theo được thực hiện.

Sau mỗi lần hoàn thành rà soát chính thức một tiêu chuẩn IMAS, các phiên bản mới có thể được phát hành. Điều chỉnh sửa đổi tính đến ngày phát hành của phiên bản mới sẽ được đưa vào phiên bản mới và sẽ xóa nội dung biên bản điều chỉnh sửa đổi. Việc ghi lại các điều chỉnh sửa đổi sau đó sẽ bắt đầu lại cho đến lần đánh giá tiếp theo.

Tiêu chuẩn IMAS được điều chỉnh sửa đổi cập nhật nhất sẽ là các phiên bản được đăng trên trang web về IMAS tại www.mineactionstandard.org.

Số hiệu	Thời gian	Chi tiết điều chỉnh sửa đổi
1	01/8/2012	1. Xem xét về tác động của việc xây dựng IATG 2. Điều chỉnh sửa đổi lỗi đánh máy thứ yếu 3. Xóa bỏ tham chiếu đến IMAS 08.10
2	01/6/2013	1. Xem xét về tác động của tiêu chuẩn mới của IMAS về giải phóng đất đai 2. Số hiệu và ngày điều chỉnh sửa đổi bao gồm trong đề mục và đầu trang
3	25/08/2020	1. Cập nhật tiêu đề thành Tiêu chuẩn Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ (GDPTTNBMVN) 2. Thay thế thuật ngữ MRE bằng thuật ngữ EORE 3. Cập nhật cụm từ “phụ nữ, trẻ em gái, nam giới, trẻ em trai” khi tham chiếu về giới 4. Điều chỉnh một số lỗi đánh máy 5. Cập nhật phần Giới thiệu 6. Đoạn 1 của phần phạm vi được cập nhật theo tên mới 7. Đoạn 3 của các thuật ngữ sau được bổ sung “vật nổ (EO)”; Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn (GDPTTNBM); “tổ chức GDPTTNBMVN”. Các thuật ngữ trên được cập nhật/sử dụng 8. Đoạn 4.1 9. Đoạn 4.2 bổ sung tham chiếu đến Nghị định thư II sửa đổi Công ước về các loại vũ khí thông thường 10. Thêm đoạn mới bổ sung nội dung “4.2.1 Sự linh hoạt” 11. Từ ngữ trong đoạn 4.3.1 và 4.3.2 được sửa đổi bao gồm việc sử dụng xuyên suốt cụm từ GDPTTNBMVN và VN 12. Từ ngữ đoạn 4.3.4 được cập nhật về nội dung giới và đa dạng, thành phần đội, tập huấn và thiết bị 13. Đoạn 4.3.5 và 4.3.6 được cập nhật nhằm phân các các cập nhật liên quan trong các bản tiêu chuẩn IMAS được sửa đổi khác 14. Bổ sung mới đoạn 4.3.8 “Điều tra thương tật” 15. Bổ sung đoạn 5.2 về làm việc trong môi trường phức tạp 16. Bổ sung đoạn mới 5.4 về “thu thập và phân tích dữ liệu trong hoạt động đánh giá nhu cầu GDPTTNBMVN” 17. Bổ sung hai đoạn 5.5 về nội dung cơ chế ưu tiên 18. Bổ sung tham chiếu đoạn 6.1 về chu trình dự án, chiến lược truyền thông, vấn đề giới và đa dạng 19. Bổ sung tham chiếu đoạn 6.2 về “không gây hại”, nguyên tắc nhân đạo và phân tích bối cảnh thường xuyên 20. Cập nhật đoạn 6.3 về nhu cầu kiểm nghiệm thông điệp GDPTTNBMVN 21. Đổi tên đoạn 7 “sử dụng truyền thông đa phương tiện và các công cụ truyền thông khác” 22. Bổ sung đoạn 7.1 về các loại công cụ truyền thông 23. Bổ sung yêu cầu đoạn 7.2 về truyền thông và tài liệu truyền thông 24. Bổ khung khổ 8.2 về các tiếp cận nhạy cảm trong môi trường xung đột nhằm

		GDPTTNBMVN 25. Đoạn 8.2 tham chiếu về các khu vực khó tiếp cận 26. Bổ sung ghi chú đoạn 8.3.1 về trẻ em trai và gái tiếp cận các môi trường trường học thường khác nhau 27. Bổ sung tham chiếu đoạn 8.4 về đầu mối tại cộng đồng nhằm báo cáo về VN và về hoạt động GDPTTNBMVN 28. Bổ sung đoạn 9.2 về hợp tác khu vực/xuyên biên giới 29. Chú thích cuối trang đoạn 10 tham chiếu đến IMAS 14.10 30. Bổ sung tham chiếu đoạn 10.1 về kết quả tác động 31. Bổ sung các nội dung đoạn 10.2 về “ghi nhớ kiến thức, nguyên tắc bình đẳng và mối đe dọa của vật nổ” 32. Bổ sung tham chiếu đoạn 10.3 về dữ liệu giới tính và độ tuổi (SADD) 33. Bổ sung đoạn 10.5 nội dung về cơ chế phản hồi sau đánh giá 34. Cập nhật đoạn 12 về trách nhiệm đoạn CQHĐBM, TTHĐBM và các tổ chức GDPTTNBMVN 35. Bổ sung vào tham chiếu phụ lục A tiêu chuẩn IMAS 05.10, IMAS 07.12, IMAS 07.30, IMAS 07.40, IMAS 13.10, IMAS 14.10